

CHƯƠNG VIII. ĐỊA LÝ CÔNG NGHIỆP
BÀI 31: VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG
NGHIỆP, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN
VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

I. VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG NGHIỆP

1. Vai trò

Có vai trò trong nền kinh tế quốc dân:

- Tạo ra một khối lượng của cải vật chất rất lớn cho xã hội, nhiều sản phẩm tiêu dùng có giá trị, góp phần phát triển nền kinh tế và nâng cao trình độ cho toàn xã hội..
- Cung cấp hầu hết, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho tất cả các ngành kinh tế.
- Thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế
- Tạo điều kiện khai thác có các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- Làm thay đổi sự lao động, giảm mức độ chênh lệch giữa các vùng.
- Sản xuất ra nhiều mới, tạo khả năng mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường lao động, tạo nhiều việc làm mới, tăng thu nhập.

2. Đặc điểm (tự học)

II. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CN

1. Vị trí địa lý: quyết định việc lựa chọn các địa điểm phân bố công nghiệp.

2. Tự nhiên:

- **Khoáng sản:** chi phối quy mô, cơ cấu và tổ chức của các xí nghiệp.
- **Nguồn nước:** là điều kiện quan trọng cho việc phân bố các xí nghiệp của nhiều ngành công nghiệp.
- **Khí hậu - tài nguyên sinh vật:** là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp chế biến thực phẩm.

=> Nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến quy mô các xí nghiệp, sự phân bố công nghiệp.

3. Kinh tế - xã hội:

- **Dân cư và nguồn lao động:** cung cấp lực lượng sản xuất và là thị trường tiêu thụ sản phẩm

- **Tiến bộ khoa học kỹ thuật:** sử dụng tài nguyên và phân bố hợp lý các nguồn tài nguyên, thay đổi quy luật phân bố các xí nghiệp công nghiệp.

- **Thị trường:** lựa chọn vị trí của xí nghiệp và hướng chuyên môn hóa.

- **Đường lối chính sách:** có vai trò quan trọng trong phát triển công nghiệp.

=> KT-XH là điều kiện để phân bố CN hợp lý, thúc đẩy hoặc kìm hãm, thuận lợi hoặc cản trở con đường phát triển CN, hình thức tổ chức lãnh thổ CN.

BÀI 32: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP (tiết 1).

I. CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG

1. Vai trò :

Là một trong những ngành kinh tế quan trọng và cơ bản của một quốc gia.

+ Nền sản xuất hiện đại chỉ phát triển được với sự tồn tại của nhất định.

+ Là tiền đề của tiến bộ khoa học kỹ thuật.

2. Các ngành chính:

a. Công nghiệp khai thác than.

- **Vai trò:**

+ Cung cấp cho ngành nhiệt điện, luyện kim.

+ Là cho ngành hoá chất, dược phẩm...

- **Trữ lượng** 13.000 tỉ tấn, sản lượng 5 tỉ tấn/năm.

- **Phân bố:** Trung Quốc, Nga, Hoa Kỳ.

b. Công nghiệp khai thác dầu

- **Vai trò:**

- + Là nhiên liệu quan trọng, “.....” của nhiều quốc gia.
- + Là nguyên liệu cho ngành hoá chất, dược phẩm.
- **Trữ lượng:** 500 tỉ tấn, sản lượng khai thác 3,8 tỉ tấn/năm.
- **Phân bố:** ở các nước Trung Đông, Bắc Phi, Mỹ La Tinh.

c. Công nghiệp điện lực

- Vai trò:

- + Là cơ sở để phát triểnhiện đại, để đẩy mạnh tiến bộ khoa học kỹ thuật.
- + Đáp ứng đời sống văn hoá – văn minh của con người.
- **Cơ cấu nguồn điện:** nhiệt điện, thủy điện, điện nguyên tử, điện từ sức gió, năng lượng mặt trời...

- **Sản lượng:** 15.000 tỉ KWH.

- **Phân bố:** tập trung ở các nước phát triển như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Canada, EU...

II. CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ

Vai trò

- Là “..... của công nghiệp nặng”.
- Giữ vai trò trong việc thực hiện cuộc cách mạng kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện sống.

III. CÔNG NGHIỆP ĐIỆN TỬ – TIN HỌC

1. Vai trò

- Là ngành kinh tế của nhiều nước.
- Là thước đo phát triển kinh tế – kỹ thuật của mọi quốc gia trên thế giới

2. Đặc điểm:

- Ít gây ô nhiễm môi trường, không chiếm diện tích rộng, không tiêu thụ nhiều kim loại, điện nước.
- Yêu cầu: nguồn lao động trẻ có trình độ kỹ thuật cao.

3. Cơ cấu

- Gồm 4 nhóm: máy tính, thiết bị điện tử, điện tử tiêu dùng và thiết bị viễn thông.

4. Các nước đứng đầu là Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU.

IV. CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG

1. Vai trò

Cung cấp các loại hàng tiêu dùng gồm: dệt may, giày da, hàng sành-sứ-thủy tinh.

2. Đặc điểm

- Sử dụng nhiên liệu, động lực và chi phí vận tải các ngành CN nặng, nhưng lại chịu ảnh hưởng lớn hơn của nhân tố, thị trường tiêu thụ và nguồn nguyên liệu.
- Vốn đầu tư ít, thời gian xây dựng tương đối ngắn, quy trình sản xuất tương đối đơn giản, thu lợi nhuận tương đối dễ dàng, có khả năng xuất khẩu.

3. Công nghiệp dệt – may

- Giải quyết nhu cầu, sinh hoạt cho con người.
- cho công nghiệp nặng.
- Thúc đẩy sự phát triển của nông nghiệp, công nghiệp hoá chất.
- Giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là lao động nữ.

4. Phân bố: Ở nhiều nước kể cả ở các nước đang phát triển.

V. CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM

1. Vai trò

- Cung cấp cho nhu cầu ăn uống hàng ngày.
- Tiêu thụ sản phẩm, thúc đẩy ngành nông nghiệp phát triển.
- Tăng giá trị nông sản, tạo khả năng, tích lũy vốn, góp phần cải thiện đời sống.

2. Cơ cấu

- Đa dạng và phong phú như thịt, cá hộp và đông lạnh, rau quả sấy và đóng hộp, chế biến sữa, rượu bia, nước giải khát,...

3. Đặc điểm

- Nguyên liệu chủ yếu từ ngành nông nghiệp nên sản phẩm phong phú và đa dạng.
- Các nước thường tiêu thụ thực phẩm chế biến.
- Các nước thì công nghiệp thực phẩm có vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp.

4. Phân bố: mọi quốc gia trên thế giới.

BÀI TẬP:

Cho BSL : Cơ cấu sử dụng năng lượng trên thế giới năm 1973 và năm 2013. Đơn vị %

	1973	2013
Than đá	13.6	11.5
Dầu	48.3	39.9
Khí đốt	14.0	15.1
Năng lượng sinh học	13.1	12.2
Điện	9.4	18.0
Nguồn khác*	1.6	3.3

Nguồn khác: gồm địa nhiệt, năng lượng mặt trời, gió, ...

(Theo Key World Energy statistics 2015 /www.iea.org)

- Hãy vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu sử dụng năng lượng trên thế giới thời kì 1973-2013.
- Nhận xét, giải thích.

[illegible]

Bài 33: MỘT SỐ HÌNH THỨC TỔ CHỨC LÃNH THỎ CÔNG NGHIỆP

I. VAI TRÒ

- Sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên, vật chất và lao động.
- Góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

II. MỘT SỐ HÌNH THỨC

1. Điểm công nghiệp:

- Qui mô:, đồng nhất với một điểm dân cư.
- Đặc điểm: gồm 1 đến 2 xí nghiệp gần nguồn nguyên, nhiên liệu và giữa các xí nghiệp không có mối liên hệ với nhau.

2. Khu công nghiệp tập trung:

- Qui mô: Khá lớn vài trăm ha, có ranh giới rõ ràng, có vị trí
- Đặc điểm:

+ Tập trung khá nhiều xí nghiệp khả năng sản xuất cao, sản phẩm vừa đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

+ Có các xí nghiệp dịch vụ hỗ trợ sản xuất

3. Trung tâm công nghiệp

- Qui mô: lớn, gắn với vừa và lớn có vị trí thuận lợi.

- Đặc điểm :

+Gồm nhiều KCN, ĐCN, các xí nghiệp CN trong đó có một số xí nghiệp làm hạt nhân.

+Có mối chặt chẽ về sản xuất, kĩ thuật và công nghệ, có các xí nghiệp bổ trợ và phục vụ.

4. Vùng công nghiệp

- Qui mô: Vùng lãnh thổ rộng lớn

- Đặc điểm:

+ Gồm nhiều ĐCN ,KCN, TTCN có mối liên hệ sản xuất và có nét tương đồng trong quá trình hình thành công nghiệp.

+ Có mối liên hệ chặt chẽ về sản xuất có các ngành phục vụ và bổ trợ.

Bài 34: THỰC HÀNH: VẼ BIỂU ĐỒ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI

Cho bảng số liệu: Tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp của thế giới, thời kì 1950 - 2014

	1950	1970	1990	2011	2013	2014
Than (triệu tấn)	1820	2936	3387	7822	8018	7975
Dầu mỏ (triệu tấn)	523	2336	3331	4028	4130	4174
Điện (tỉ kWh)	967	4962	11832	22212	23374	23765
Thép(triệu tấn)	189	594	770	1538	1 650	1 670

Hãy vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng các sản phẩm than, dầu mỏ, điện, thép của thế giới thời kỳ 1950 - 2014. Nhận xét tốc độ tăng trưởng của các sản phẩm đó.

Quy về đơn vị %

<i>SP</i>	<i>1950</i>	<i>1970</i>	<i>1990</i>	<i>2011</i>	<i>2013</i>	<i>2014</i>
<i>Than</i>	<i>100</i>					
<i>Dầu</i>	<i>100</i>					
<i>Điện</i>	<i>100</i>					
<i>Thép</i>	<i>100</i>					

II. Tiến hành vẽ

This image shows a full page of primary-ruled paper. It features multiple horizontal rows of small dots, designed to guide handwriting practice. The dots are evenly spaced both vertically and horizontally across the entire page.

III. NHẬN XÉT

- Đây là các sản phẩm của ngành
- Nhìn chung tỷ lệ tăng trưởng của các sản phẩm công nghiệp.....

- Điện:

.....

.....

.....

.....

.....

- Than:.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Dầu mỏ:

.....

.....

.....

.....

.....

- Thép:.....

.....

.....

.....

.....

.....